

Số:1408/2020/TB-ACM

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCKNN VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**
Trụ sở chính: **Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang**
Điện thoại: **0204 222 6669** **Fax: 0204 222 6669**
Mã chứng khoán: **ACM**
Người công bố thông tin: **Phạm Thị Thúy Hạnh**
Loại thông tin công bố: **Định kỳ**

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Tổng Hợp, BCTC Văn phòng sau soát xét giữa niên độ năm 2020 của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường.
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận trên Báo cáo tài chính Tổng Hợp, BCTC Văn phòng sau soát xét giữa niên độ năm 2020.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2020 tại Website: acuonggroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Phạm Thị Thúy Hạnh

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 048157 ngày 15 tháng 02 năm 1996 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16 tháng 9 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty là: 510.000.000.000 đồng (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn).

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2017 và Thông tư số 155/2015 TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và Đại diện pháp luật của Công ty,



Phạm Thị Thủy Hạnh
Tổng Giám đốc
Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Số: 660/2020/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn khác phát sinh với Công ty TNHH An Phú số tiền 9 tỷ đồng như theo thuyết minh số 5.04 của thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong giới hạn phạm vi của công việc soát xét, chúng tôi không thu thập được đầy đủ hồ sơ của khoản phải thu này nên không đánh giá được tính đầy đủ và hiện hữu cũng như xác định ảnh hưởng của khoản mục này trên Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2020 của Văn phòng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQCPAVIETNAM

ngày 02/01/2020

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		200.813.072.955	195.174.532.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		157.677.039	1.546.481.037
1. Tiền	111	5.01	157.677.039	1.546.481.037
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.007.977.608	138.026.572.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	86.651.983.069	86.651.983.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	2.041.921.400	2.015.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		79.000.434.441	78.045.451.159
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04a	16.500.000.000	17.500.000.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.02	(46.186.361.302)	(46.186.361.302)
III. Hàng tồn kho	140		61.160.205.174	54.158.289.622
1. Hàng tồn kho	141	5.05	61.160.205.174	54.158.289.622
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.487.213.134	1.443.189.145
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.487.213.134	1.443.189.145
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		432.514.954.074	442.598.824.540
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.484.000.000	43.484.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04b	43.484.000.000	43.484.000.000
II. Tài sản cố định	220		254.848.573.937	264.913.258.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	254.848.573.937	264.913.258.950
- Nguyên giá	222		316.818.669.988	316.818.669.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.970.096.051)	(51.905.411.038)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		58.057.523.952	58.057.523.952
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.06	58.057.523.952	58.057.523.952
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		75.115.762.105	75.115.762.105
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.09	75.200.000.000	75.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.09	(84.237.895)	(84.237.895)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.009.094.080	1.028.279.533
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	1.009.094.080	1.028.279.533
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		633.328.027.029	637.773.357.270

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		168.982.715.990	168.208.046.767
I. Nợ ngắn hạn	310		133.114.746.982	132.340.077.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.972.923.056	2.972.923.056
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	7.620.694.601	7.620.694.601
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	32.807.024.798	28.363.667.775
4. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		19.284.691.400	22.953.379.200
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	26.866.381.108	26.866.381.108
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	42.639.032.019	42.639.032.019
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.000.000	924.000.000
II. Nợ dài hạn	330		35.867.969.008	35.867.969.008
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	35.867.969.008	35.867.969.008
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		464.345.311.039	469.565.310.503
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	464.345.311.039	469.565.310.503
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(47.454.688.961)	(42.234.689.497)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(42.234.689.497)	(40.584.297.661)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.219.999.464)	(1.650.391.836)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		633.328.027.029	637.773.357.270

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Trưởng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	-	14.979.600.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	14.979.600.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	-	13.506.546.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	1.473.053.234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.504	11.507
7. Chi phí tài chính	22	6.03	4.443.357.023	4.284.899.839
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.443.357.023	4.284.899.839
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.04	776.647.945	1.004.375.675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.219.999.464)	(3.816.210.773)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.219.999.464)	(3.816.210.773)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.05	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.219.999.464)	(3.816.210.773)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thủy Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	2.130.276.700
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(562.986.560)	(441.942.623)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(327.300.942)	(868.514.865)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.004.478.000	663.277.453
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.503.000.000)	(470.103.226)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(1.388.809.502)</i>	<i>1.012.993.439</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.504	11.507
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>5.504</i>	<i>11.507</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.388.803.998)	1.013.004.946
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	1.546.481.037	276.814.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.01	157.677.039	1.289.819.433

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

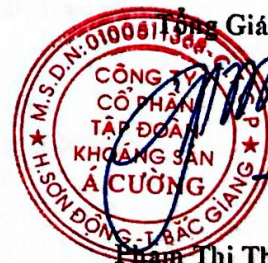
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạnh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Lịch sử phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 048157 ngày 15 tháng 02 năm 1996 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng (Năm trăm mười tỷ đồng).

Mã chứng khoán niêm yết: ACM.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Số lao động bình quân trong kỳ của Văn phòng Công ty là 10 người.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Bà Phạm Thị Thủy Hạnh - Tổng Giám đốc.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 25 ngày 14/6/2018, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; in ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là khai thác, chế biến quặng kim loại đồng, tinh quặng và sản xuất các sản phẩm kim loại đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2020, Văn phòng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

	Địa chỉ
Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
Công ty Liên doanh, liên kết:	
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	Số 5, phố Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264114 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 03/7/2017.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Văn phòng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán trong Báo cáo này từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/6/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

❖ Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

❖ Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư 45/2015/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/TT-BTC ngày 13/10/2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí đầu tư, mua sắm, chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- ❖ Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- ❖ Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước lãi tiền vay

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	148.098.743	1.541.417.411
Tiền gửi ngân hàng	9.578.296	5.063.626
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	1.211.285	1.429.948
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	1.249	1.249
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hà Thành	71.418	71.418
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nam Hà Nội	6.737.331	1.906.726
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân - PGD Phùng Hưng	55.000	55.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hà Nội - PGD Bà Triệu	261.393	261.393
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đống Đa	1.209.162	1.306.471
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội - PGD Thụy Khuê	31.458	31.421
Cộng	157.677.039	1.546.481.037

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Thăng Long	18.742.096.167	-	18.742.096.167	-
Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	17.202.629.752	17.202.629.752	17.202.629.752	17.202.629.752
Công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp Xuất nhập khẩu Thảo Anh	128.453.800	-	128.453.800	-
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội	32.423.743.350	28.983.731.550	32.423.743.350	28.983.731.550
Công ty cổ phần Diệp Bảo Anh	18.155.060.000	-	18.155.060.000	-
Cộng	86.651.983.069	46.186.361.302	86.651.983.069	46.186.361.302

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Hoàng Long	30.000.000	-	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam	915.000.000	-	915.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ BNC Việt Nam	5.500.000	-	5.500.000	-
Công ty TNHH Cơ Điện Đại Dương	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Việt - Nga	65.000.000	-	65.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	-	-	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Bắc Giang	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Xương Giang	50.000.000	-	50.000.000	-
Nhóm chuyên gia tư vấn tài chính	300.000.000	-	300.000.000	-
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	76.421.400	-	-	-
Cộng	2.041.921.400	-	2.015.500.000	-

5.04 Phải thu khác

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	16.500.000.000	-	17.500.000.000	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>7.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>17.500.000.000</i>	<i>-</i>
Ông Nguyễn Xuân Thanh (i)	3.500.000.000	-	8.500.000.000	-
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh (i)	4.000.000.000	-	9.000.000.000	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH An Phú	9.000.000.000	-	-	-
b. Phải thu dài hạn khác	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô Linh (ii)	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
Cộng	59.984.000.000	-	60.984.000.000	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.04 Phải thu khác (tiếp theo)**

(i). *Tạm ứng để triển khai dự án "Khai thác và chế biến quặng vàng gốc tại xã Minh Phong và xã Sa Lý huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang" theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch số 2184/QĐ-UBND và 2185/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.*

(ii). *Hợp đồng Hợp tác đầu tư ngày 15/6/2015 ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường và Công ty Cổ phần Đô Linh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0644603665 ngày 12/04/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An chứng nhận dự án Nhà máy sản xuất và chế biến quặng vàng gốc tại khu Tà Sỏi, xã Châu Hạnh, huyện Châu Quỳ, tỉnh Nghệ An đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường và Công ty Cổ phần Đô Linh. Tổng vốn đầu tư dự án là 330,22 tỷ đồng. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được nhận bàn giao mặt bằng. Dự án đang thực hiện, đã xong phần cơ sở hạ tầng, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và đánh giá tác động môi trường.*

5.05 Hàng tồn kho

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.427.671.274	-	37.400.416.728	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.311.740.579	-	1.337.079.573	-
Thành phẩm	15.420.793.321	-	15.420.793.321	-
Cộng	61.160.205.174	-	54.158.289.622	-

5.06 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng hệ thống kè, đập	8.820.993.284	8.820.993.284
Chi phí xây dựng "Nhà máy tuyển luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi công suất 500 tấn/ngày"	46.682.316.936	46.682.316.936
Chi phí dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy luyện đồng công suất 1000 tấn/năm"	2.554.213.732	2.554.213.732
Cộng	58.057.523.952	58.057.523.952

5.07 Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Phí cấp phép khai thác	161.333.333	169.333.333
Chi phí thuê đất làm hành lang kéo đường dây điện	11.469.355	14.469.355
Chi phí thăm dò mỏ Tân Hoa, Hộ Đáp	454.545.455	454.545.455
Chi phí trồng rừng thay thế	380.074.886	385.010.924
Công cụ, dụng cụ	1.671.051	4.920.466
Cộng	1.009.094.080	1.028.279.533

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.08 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	247.766.680.834	63.060.964.475	5.931.218.679	59.806.000	316.818.669.988
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2020	247.766.680.834	63.060.964.475	5.931.218.679	59.806.000	316.818.669.988
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	30.520.474.666	16.696.432.375	4.628.697.997	59.806.000	51.905.411.038
Tăng trong kỳ	6.771.417.205	3.165.151.020	128.116.788	-	10.064.685.013
- <i>Trích khấu hao trong kỳ</i>	6.771.417.205	3.165.151.020	128.116.788	-	10.064.685.013
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2020	37.291.891.871	19.861.583.395	4.756.814.785	59.806.000	61.970.096.051
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	217.246.206.168	46.364.532.100	1.302.520.682	-	264.913.258.950
Tại ngày 30/6/2020	210.474.788.963	43.199.381.080	1.174.403.894	-	254.848.573.937

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/6/2020 là 3.908.471.688 đồng và tại ngày 01/01/2020 là 3.797.385.453 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.09 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	49,15%	75.200.000.000	-	84.237.895	49,15%	75.200.000.000	-	84.237.895
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường (i)	49,15%	75.200.000.000	-	84.237.895	49,15%	75.200.000.000	-	84.237.895
	49,15%	75.200.000.000	-	84.237.895	49,15%	75.200.000.000	-	84.237.895

(i). Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264114 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 03/7/2017. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường là khai thác, tuyển luyện quặng kim loại, than và bán kim loại, than.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại và Phát Triển Dịch Vụ Nhất Long	368.242.000	368.242.000	368.242.000	368.242.000
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nặng Thành Công	142.242.900	142.242.900	142.242.900	142.242.900
Công ty Cổ Phần EDC	42.839.113	42.839.113	42.839.113	42.839.113
Công ty Cổ Phần EJC	56.092.000	56.092.000	56.092.000	56.092.000
Công ty Cổ Phần Đại Đồng Xuân	514.382.724	514.382.724	514.382.724	514.382.724
Công ty TNHH Ngọc Diệp	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706
Doanh nghiệp tư nhân Dương Hải Anh	377.565.613	377.565.613	377.565.613	377.565.613
Cộng	2.972.923.056	2.972.923.056	2.972.923.056	2.972.923.056

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	30/6/2020
Thuế giá trị gia tăng	5.829.025.711	-	-	5.829.025.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.203.787.245	-	-	1.203.787.245
Thuế thu nhập cá nhân	278.498.645	-	-	278.498.645
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	309.383.000	-	-	309.383.000
Cộng	7.620.694.601	3.000.000	3.000.000	7.620.694.601

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	32.807.024.798	28.363.667.775
Cộng	32.807.024.798	28.363.667.775

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	261.786.406	261.786.406
Bảo hiểm y tế	39.565.398	39.565.398
Bảo hiểm thất nghiệp	19.353.263	19.353.263
Cổ tức phải trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 (*)	25.500.000.000	25.500.000.000
Các khoản phải trả khác	1.045.676.041	1.045.676.041
Cộng	26.866.381.108	26.866.381.108

(*) Công văn số 5823/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 24/06/2019 thông báo việc thay đổi về thời gian chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là ngày 30/06/2021.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2020
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	42.639.032.019	-	-	42.639.032.019
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (*)	42.639.032.019	-	-	42.639.032.019
Vay dài hạn	35.867.969.008	-	-	35.867.969.008
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (**)	35.867.969.008	-	-	35.867.969.008
Cộng	78.507.001.027	-	-	78.507.001.027

(*) Chi tiết hợp đồng vay ngắn hạn:

- Hợp đồng Hạn mức số 02/2013/HĐ ngày 02/12/2013, hạn mức vay 45.000.000.000 đồng;
 Mục đích vay: "Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm với khai thác than"; Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Hợp đồng số 01/2015/2635737/HĐTD ngày 18/12/2015, hạn mức vay 15.000.000.000 đồng;
 Mục đích vay: "Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh".
 Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

197
 TY
 H
 DÀI
 TÍN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 01/2014/2635737/HĐTD ngày 27/6/2014, hạn mức vay 15.697.000.000 đồng;
Mục đích vay: “Bù đắp vốn ngắn hạn đã đầu tư vào Dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và truyền từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”;
Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;
Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(**) Chi tiết hợp đồng vay dài hạn:

- Hợp đồng số 01/2009/2635737/HĐTDTH ngày 24/11/2009, hạn mức vay 30.000.000.000 đồng;
Mục đích vay: “Thực hiện dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng, công suất 1.550 tấn/năm giai đoạn II - Hòa luyện - Phần thiết bị của Công ty TNHH Tam Cường”;
Tài sản thế chấp: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Doanh thu từ dự án chuyển vào tiền gửi thanh toán mở tại chi nhánh; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;
Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay: 120 tháng;
Hợp đồng sửa đổi bổ sung điều khoản số 03/2014/2635737/HĐTD ngày 30/6/2014, trong đó điều chỉnh thời gian cho vay từ ngày nhận món vay đầu tiên đến ngày 31/12/2019.
- Hợp đồng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25/3/2013, Hạn mức vay 3.700.000.000 đồng; Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi.
Mục đích vay: “Đầu tư dự án Mua 5 xe ô tô tải VOLVO phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty”;
Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2019	510.000.000.000	1.800.000.000	(74.084.602.006)	437.715.397.994
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	31.849.912.509	31.849.912.509
Lợi nhuận phát sinh trong năm	-	-	(1.650.391.836)	(1.650.391.836)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	33.500.304.345	33.500.304.345
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	510.000.000.000	1.800.000.000	(42.234.689.497)	469.565.310.503
Số dư tại 01/01/2020	510.000.000.000	1.800.000.000	(42.234.689.497)	469.565.310.503
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	(5.219.999.464)	(5.219.999.464)
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	-	-	(5.219.999.464)	(5.219.999.464)
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2020	510.000.000.000	1.800.000.000	(47.454.688.961)	464.345.311.039

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ sở hữu.

	30/6/2020		01/01/2020	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Xuân Thanh	50.031.000.000	9,81%	50.031.000.000	9,81%
Các cổ đông khác	459.969.000.000	90,19%	459.969.000.000	90,19%
Cộng	510.000.000.000	100%	510.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	510.000.000.000	510.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	510.000.000.000	510.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	510.000.000.000	510.000.000.000
Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	51.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	-	14.979.600.000
Cộng	-	14.979.600.000

6.02 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá vốn hàng bán	-	13.506.546.766
Cộng	-	13.506.546.766

6.03 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay	3.506.566.964	4.284.899.839
Chi phí lãi vay quá hạn	936.790.059	-
Cộng	4.443.357.023	4.284.899.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	257.193.846	554.129.999
Chi phí khấu hao TSCĐ	317.033.724	194.013.630
Thuế, phí, lệ phí	3.711.276	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.719.099	1.453.232.046
Chi phí khác bằng tiền	171.990.000	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.200.000.000)
Cộng	776.647.945	1.004.375.675

6.05 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.219.999.464)	(3.816.210.773)
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(5.219.999.464)	(3.816.210.773)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.219.999.464)	(3.816.210.773)

6.06 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	13.506.546.766
Chi phí nhân công	327.300.942	691.460.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.944.013.931	691.083.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.708.993	1.570.583.970
Chi phí khác bằng tiền	191.285.085	22.858.525
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.200.000.000)
Cộng	7.751.308.951	15.282.532.746

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Giao dịch với các bên liên quan

Thông tin chung về các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường: Công ty liên kết

Ông Nguyễn Xuân Thanh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh: Tổng Giám đốc

Giao dịch với các Cán bộ chủ chốt

Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2020
VND

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

126.000.000

7.02 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

7.03 Thông tin khác

Công ty đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định Số 663/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc khắc phục sự cố môi trường của Dự án “Nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm” do đó đáp ứng điều kiện đủ để vào hoạt động sản xuất ổn định trở lại theo quy định của các cơ quan Ban ngành.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh